

Bản án số: 34/2021/DSST  
Ngày: 24/3/2021  
V/v “Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hóa
2. Bà Lâm Thị Ngọc Minh

Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X(gọi tắt là Ngân hàng Thương mại Cổ phần X), địa chỉ: 57 X, phường X, quận X, thành phố Hà Nội.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Đ hoặc/ và ông Nguyễn Văn C hoặc/ và ông Vũ X X; địa chỉ: Lầu 5, 32A đường C, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 186/2020/UQ-TPB.NHCN.RB ngày 06/3/2020), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Ông N V Q, sinh năm: 1957 và bà T T B, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: 35/51 đường D, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Đại diện ủy quyền của bị đơn bà T T B: ông N V Q, sinh năm: 1957; địa chỉ: 35/51 đường D, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số: 16663, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/8/2020 tại Văn phòng công chứng Lương Khánh Linh), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 15/6/2020, Bản tự khai ngày 23/7/2020, ngày 07/9/2020 và các Biên bản hòa giải ngày 16/12/2020 và ngày 19/01/2021, Bản tự khai bổ sung ngày 24/3/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X trình bày:*

Ngày 06/12/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X- Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Thương mại Cổ phần X) và ông N V Q, T T B ký kết Hợp đồng cho vay số 512/2016/HDTD/TTB MN2/01 ngày 06/12/2016 với số tiền 390.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng (từ ngày 07/12/2016 đến 07/12/2022); mục đích vay: thanh toán tiền mua xe do bị đơn đứng tên chủ sở hữu theo giấy đăng ký xe số 233450 ngày 05/12/2016 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Q bà B đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu NISSAN màu trắng, số khung AN17GDL04699, số máy: HR15920323D, Biển kiểm soát: 51G-212.02 theo Hợp đồng thế chấp số 512/2016/HĐBĐ/TTN MN2/01 ngày 06/12/2016 và bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 512/2016/HĐBĐ/TTN MN2/01/SĐBSHĐ và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 07/12/2016.

Ngày 07/12/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đã giải ngân toàn bộ số tiền 390.000.000 đồng cho ông Q bà B theo Hợp đồng cho vay đã ký.

Đến ngày 07/9/2019, ông Q bà B đã trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được 33 lần với tổng số tiền: 258.755.677 đồng, trong đó tiền gốc: 173.333.344 đồng, tiền lãi: 85.422.333 đồng. Sau đó ông Q bà B không thanh toán tiếp nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo thỏa thuận nên ngày 07/9/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn với số tiền gốc 216.666.657 đồng; Nợ gốc chuyển quá hạn: 105.805.562 đồng; Nợ lãi trong hạn 12,15% (từ ngày 07/9/2019 đến 24/3/2021) số tiền: 31.519.833 đồng; Nợ lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn (từ ngày 07/9/2019 đến 24/3/2021) số tiền: 11.296.761 đồng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N V Q, T T B thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử 24/3/2021 là 259.483.251 đồng (trong đó, nợ gốc: 216.666.657 đồng, lãi trong hạn 31.519.833 đồng, tiền lãi quá hạn: 11.296.761 đồng). Ngoài ra, ông Q bà B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/3/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng vay tiền đã ký.

Trường hợp ông N V Q, T T B không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cho kê biên tài sản, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

*\* Đối với bị đơn ông N V Q (đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bà T T B) tại bản tự khai ngày 16/12/2020 và tại các Biên bản hòa giải ngày 16/12/2020 và ngày 19/01/2021 trình bày:*

Ông Q xác nhận ông và bà T T B có kí hợp đồng vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X(gọi tắt là Ngân hàng Thương mại Cổ phần X) theo Hợp đồng cho vay số 512/2016/HDTD/TTB MN2/01 ngày 06/12/2016 với số tiền 390.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng (từ ngày 07/12/2016 đến 07/12/2022); mục đích vay: để thanh toán tiền mua xe theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2111/16-HĐMB-TG giữa ông N V Q và Công ty Cổ phần xe khách và dịch vụ Miền Tây ngày 17/11/2016; Lãi suất linh hoạt được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X ban hành theo từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Q bà B đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu NISSAN màu trắng, số khung AN17GDL04699, số máy: HR15920323D, Biển kiểm soát: 51G-212.02 theo Hợp đồng thế chấp số 512/2016/HĐBĐ/TTN MN2/01 ngày 06/12/2016 và bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 512/2016/HĐBĐ/TTN MN2/01/SĐBSHĐ và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 07/12/2016.

Tính đến ngày 07/9/2019, ông Q bà B đã trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được 33 lần với tổng số tiền: 258.755.677 đồng, trong đó tiền gốc: 173.333.344 đồng, tiền lãi: 85.422.333 đồng.

Nay do tuổi đã già, không còn sức khỏe để làm việc trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X nên ông bà không có giải pháp nào để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X. Ông bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thu hồi nợ.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử là chậm đưa vụ án ra xét xử theo đúng hạn định.

Về nội dung: Việc ký kết hợp đồng vay tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và bị đơn là đúng quy định Pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông N V Q và bà T T B trả nợ và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

*\* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ông N V Q và bà T T B có ký hợp đồng vay tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X ngày 06/12/2016, do đó có cơ sở xác định giữa ông Q bà B và Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp vay tài sản. Do ông Q bà B hiện đang có nơi cư trú tại địa chỉ 35/51 đường D, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* *Về người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự*:

\* *Xét yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc*:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N V Q, T T B thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử 24/3/2021 là 259.483.251 đồng (trong đó, nợ gốc: 216.666.657 đồng, lãi trong hạn 31.519.833 đồng, tiền lãi quá hạn: 11.296.761 đồng).

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và bị đơn ông N V Q, bà T T B có ký Hợp đồng vay tiền số 512/2016/HDTD/TTB MN2/01 ngày 06/12/2016. Ông Q bà B đã không thanh toán tiền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo như thỏa thuận nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng Thương mại Cổ phần X chuyển sang thu hồi nợ quá hạn theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng đã ký kết là có cơ sở.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật Dân sự 2005 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do đó, xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc: 216.666.657 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

\* *Về tiền lãi*:

Căn cứ Hợp đồng cho vay hai bên ký kết đã thỏa thuận lãi suất 7,9%/năm áp dụng từ ngày nhận nợ đến ngày 07/12/2017 và thời gian tiếp theo đến ngày 07/12/2022 lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở 03 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật*” và tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước cũng quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*”. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn theo Hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện

và không trái pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn 31.519.833 đồng, tiền lãi quá hạn: 11.296.761 đồng tính đến ngày xét xử là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*\* Về tài sản đang thế chấp:*

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là xe ô tô nhãn hiệu NISSAN màu trắng, số khung AN17GDL04699, số máy: HR15920323D, Biển kiểm soát: 51G-212.02 theo Hợp đồng thế chấp số 512/2016/HĐBĐ/TTN MN2/01 ngày 06/12/2016 và bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 512/2016/HĐBĐ/TTN MN2/01/SĐBSHD và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 07/12/2016.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 07/12/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 342 của Bộ Luật dân sự 2005 và Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Vì vậy, tài sản bảo đảm đã được thế chấp cho ngân hàng theo đúng quy định pháp luật nên đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nêu trên để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả nợ là có cơ sở cần chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở và phù hợp quy định Pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được chấp nhận nên bị đơn ông N V Q, bà T T B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, xét thấy ông Q (64 tuổi) và bà B (63 tuổi) là người cao tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Q và bà B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 5.687.501 (năm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm linh một) đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 150; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 342, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Buộc ông N V Q và bà T T B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng số tiền tính đến ngày 24/3/2021 là 259.483.251 đồng, trong đó, nợ gốc: 216.666.657 đồng, lãi trong hạn 31.519.833 đồng, tiền lãi quá hạn: 11.296.761 đồng. Đồng thời ông Q và bà B phải tiếp tục chịu tiền lãi trên dư nợ gốc còn thiếu tính từ ngày 25/3/2021 đến ngày ông Q và bà B trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông N V Q và bà T T B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu NISSAN màu trắng, số khung AN17GDL04699, số máy: HR15920323D, Biển kiểm soát: 51G-212.02 đứng tên ông N V Q để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm, trừ các chi phí phát sinh số tiền còn lại không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, bị đơn phải tiếp tục thanh toán khoản nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong số nợ trên.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: ông N V Q và bà T T B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.687.501 (năm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm linh một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015684 ngày 03/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn, bị đơn nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Vũ Vân**